

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Thúy Hà;

Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Âu Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- Bị đơn: chị Vi Bích D, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Vi Bích D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 21 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về tổ

dân phố C, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên làm ăn được khoảng 06 tháng, đến năm 2012 thì chuyển về bên ngoài tại thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến cuối năm 2013, đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nên anh bỏ về bên thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên sinh sống từ năm 2014 còn chị Vi Bích D và con chung Nguyễn Công T vẫn sinh sống tại thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Vi Bích D. Anh và chị Vi Bích D lựa chọn Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết vụ việc này.

Về con chung: anh và chị Vi Bích D có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 22-01-2013. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Nguyễn Công T vẫn do chị Vi Bích D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do vậy khi ly hôn, để cháu ổn định cuộc sống, anh yêu cầu chị Vi Bích D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Công T hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vi Bích D trình bày:

Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống ban đầu của hai vợ chồng đúng như anh Nguyễn Mạnh H trình bày. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 21-11-2011. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về bên ngoài tại thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống tuy nhiên quá trình sinh sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng chị ly thân từ khi chị sinh cháu Nguyễn Công T được 08 tháng tuổi đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, việc ai người ấy làm, anh Nguyễn Mạnh H về bên huyện P, tỉnh Thái Nguyên sinh sống còn chị với cháu Nguyễn Công T thì ở bên ngoài đến năm 2017 chị chuyển công tác tại Vĩnh Phúc nên hai mẹ con về huyện P, tỉnh Vĩnh Phúc ở tuy nhiên vẫn đi lại bên xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và hiện tại hộ khẩu thường trú của 02 mẹ con chị vẫn đăng ký tại thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Mạnh H yêu cầu ly hôn, chị cũng nhất trí. Chị đồng ý để Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ việc ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Mạnh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 22-01-2013. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Nguyễn Công T

vẫn do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì vậy khi ly hôn, để cháu ổn định cuộc sống, chị cũng nhất trí trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện tại chị đang làm giáo viên trường mầm non P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc với mức lương trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng (mười triệu đồng một tháng).

Về cấp dưỡng nuôi con chị không có ý kiến gì, tùy anh Nguyễn Mạnh H, nếu anh H 22-01-2013 cấp dưỡng nuôi con chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H, cho anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn với chị Vi Bích D.

Về con chung: căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 22/01/2013 cho chị Vi Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nguyễn Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Mạnh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 22-01-2013 hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện ngày 03-6-2024; căn cước công dân của anh Nguyễn Mạnh H (bản sao); trích lục kết hôn số 56/TLKH-BS ngày 31-5-2024 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (bản sao); giấy khai sinh của cháu Nguyễn Công T

(bản sao); đơn xin xác nhận hộ khẩu ngày 31-5-2024 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và bản tự khai của anh Nguyễn Mạnh H.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn chị Vi Bích D cung cấp gồm có: căn cước công dân; bản tự khai; đơn xin vắng mặt của chị Vi Bích D; đơn trình bày của cháu Nguyễn Công T; đơn trình bày của chị Vi Bích D.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn chị Vi Bích D xin vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Vi Bích D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng. Bị đơn chị Vi Bích D có đăng ký thường trú tại thôn L, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay đang công tác tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc tuy nhiên chị Vi Bích D đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết vụ việc do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Mạnh H và chị Vi Bích D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 39 ngày 21 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai anh, chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay, anh, chị không có tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau, cả hai đều thống nhất ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa chị Vi Bích D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H, cho anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn với chị Vi Bích D.

[4] Về con chung: anh Nguyễn Mạnh H và chị Vi Bích D có 01 con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 22-01-2013. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Mạnh H yêu cầu chị Vi Bích D tiếp tục trực tiếp nuôi con đến khi trưởng

thành, chị Vi Bích D nhất trí. Xét thấy cả anh Nguyễn Mạnh H và chị Vi Bích D đều thống nhất ý kiến để cháu Nguyễn Công T ổn định cuộc sống nên chị Vi Bích D sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Công T. Hiện chị Vi Bích D hiện đang làm giáo viên mầm non đủ điều kiện về thu nhập, nơi ở để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành tuy nhiên tại phiên tòa chị Vi Bích D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Mạnh H về việc giao cháu Nguyễn Công T cho chị Vi Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với ý kiến của các bên đương sự cũng như ý kiến của cháu Nguyễn Công T.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Mạnh H yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Vi Bích D nhất trí với yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của anh Nguyễn Mạnh H. Anh Nguyễn Mạnh H còn phải chịu lãi suất do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: anh Nguyễn Mạnh H, chị Vi Bích D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H. Xử cho anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn với chị Vi Bích D.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 22-01-2013 cho chị Vi Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: anh Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Công T hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng) từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Công T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Vi Bích D có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Mạnh H chậm trả tiền cấp dưỡng thì anh Nguyễn Mạnh H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận anh Nguyễn Mạnh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005632 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nguyễn Mạnh H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Vi Bích D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Gia Lộc, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phan Thị Thanh Huyền